

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bò Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Thân Ngọc Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị M và ông Thân Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang vào năm 2001. Sau khi kết hôn hai vợ chồng vào địa bàn tỉnh Bình Dương sinh sống và làm việc cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng không

có sự tôn trọng nhau, ông Đ thường xuyên bỏ nhà đi trong thời gian dài, không biết ông Đ đi đâu và làm gì. Ông Đ thường xuyên vay nợ nhưng không có khả năng trả, bản thân bà M và các con phải đi làm trả nợ cho ông Đ. Bà M đã nhiều lần cho ông Đ cơ hội để sửa chữa bản thân nhưng ông Đ không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà M không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, cháu Thân Thị Ngọc T, sinh năm 2003 và cháu Thân Ngọc K, sinh năm 2006. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2025, ông Thân Ngọc Đ trình bày:*

Thống nhất với trình bày của bà Trương Thị M về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Ông Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn do việc làm ăn của gia đình không được thuận lợi, dẫn đến khó khăn về kinh tế, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì khác. Ông Đ xác định còn tình cảm, yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung thống nhất như trình bày của bà Trương Thị M.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Trương Thị M và ông Thân Ngọc Đ có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 28/3/2025 và ngày 15/4/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị M và ông Thân Ngọc Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang vào năm 2001, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 02/02/2001 nên quan hệ hôn nhân của bà Trương Thị M và ông Thân Ngọc Đ là hợp pháp.

Bà Trương Thị M xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng

nói chung trong cuộc sống, ông Đ không chăm lo cho vợ con, mẫu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà M không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông Đ. Bản thân ông Đ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt, bị đơn xác định vợ chồng có mâu thuẫn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ bị đơn không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trương Thị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà Trương Thị M có hai con chung, cháu Thân Thị Ngọc T, sinh năm 2003 và cháu Thân Ngọc K, sinh năm 2006. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị M được ly hôn với ông Thân Ngọc Đ (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 02/02/2001).

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003923 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết